

Bản án số: **04/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày 16 tháng 01 năm 2023  
Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Ngọc Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Lương Quang Toán.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 63/2022/TLST HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phùng Thanh L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Trương Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Thanh L qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống và kinh tế, anh L mãi chơi không chịu khó tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập chơi bời, anh L nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đánh chị và các con, gia đình và chính quyền địa phương đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên hai vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Trương Thị P vẫn giữ nguyên quqđ điể

nếu đã trình bày và xác định mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị P và anh Phùng Văn L có 02 con chung là cháu: Phùng Xuân Khánh, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Phùng Linh N, sinh ngày 10/01/2016. Chị P đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị P xác định chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Phùng Thanh L đến để giải quyết vụ án nhưng anh L đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Nà Ngoa, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh L thường xuyên vắng mặt ở địa phương, quá trình Tòa án giải quyết vụ án trường thôn có thông báo bằng điện thoại về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh L biết nhưng anh L không đến Tòa để giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của (BLTTDS); Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 (BLTTDS): Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của (BLTTDS).

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị P xử cho chị P được ly hôn với anh Phùng Thanh L.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Phùng Xuân Khánh, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Phùng Linh N, sinh ngày 10/01/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn do chị P thuộc hộ nghèo cư

trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân; căn cước công dân (Bản sao); Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); sổ hộ khẩu (Bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho nguyên đơn viết bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn Nà Ngoa, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang; xác minh tại Công an xã Thượng Giáp, huyện Na Hang.

Nguyên đơn chị Trương Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì lý do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài. Anh L nhiều lần vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải; các đương sự chưa thống nhất được nội dung gì nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị P và anh Phùng Thanh L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đây là hôn nhân hợp pháp; Chị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; Bị đơn anh Phùng Thanh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Nà Ngoa, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Phùng Thanh L có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà Ngoa, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Anh L thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không thông báo cho chính quyền địa phương nên hiện không rõ anh L cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh L vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Phùng Thanh L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Trương Thị P và anh Phùng Thanh L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Giáp, huyện Na Hang đây là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, kết quả xác minh tại địa phương có cơ sở xác định giữa chị P và anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên đánh chị P, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay là đúng thực tế. Trong suốt thời gian sống ly thân hai vợ chồng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh L đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh L có 02 con chung là cháu Phùng Xuân Khánh, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Phùng Linh N, sinh ngày 10/01/2016 chị P đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 cháu không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Xét thấy, theo kết quả xác minh xác định cả 02 con chung hiện nay đều đang ở cùng chị P, chị P có nhà riêng, có chỗ ở ổn định, hiện chị P làm ruộng và làm thuê các công việc khác thu nhập khoảng 4.000.000 đồng một tháng. Anh Phùng Thanh L hiện nay thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở cố định, không biết hiện nay làm công việc gì, quá trình chị P và anh L chung sống anh L đã nhiều lần có hành vi đánh đập chị P và các con, vì vậy anh L không đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị P vẫn đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung; mặt khác ý kiến của cháu Khánh cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con chung cần giao cả 02 con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do chị P không đề nghị anh L cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị P đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trương Thị P thuộc hộ nghèo nên được

miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Trương Thị P đối với anh Phùng Thanh L.

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Trương Thị P được ly hôn với anh Phùng Thanh L. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Phùng Xuân Khánh, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Phùng Linh N, sinh ngày 10/01/2016 cho chị Trương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phùng Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

**3. Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Trương Thị P. Anh Phùng Thanh L không phải chịu án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Thượng Giáp (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Ngọc Thúc**



**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Châu Văn Khỏe    Nông Văn Hân**

**Vũ Mạnh Hồng**















**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Ngọc Thức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Quang Toán**

**Đỗ Mai Sơn**

**Triệu Ngọc Thức**

